



NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN - HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày 14 tháng 6 năm 2021

THƯ MỜI THẦU

Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB) tổ chức mua dịch vụ bảo hành mở rộng, bảo trì hỗ trợ kỹ thuật và bản quyền phần mềm cho các thiết bị mạng, bảo mật và cân bằng tải . Trân trọng kính mời Quý Công ty tham dự chào giá gói thầu trên.

Quý Công ty có thể tìm hiểu thêm các thông tin cần thiết trong Hồ sơ mời thầu, xin vui long liên hệ với Trung tâm Mua sắm Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, tầng 3, Tòa nhà 81 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Hồ sơ chào thầu được niêm phong dán kín và xin vui lòng gửi về địa chỉ trên trước 15h00 ngày 21 tháng 6 năm 2021.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Ông Nguyễn Ngọc Cầu – Trung tâm Mua sắm SHB:

- Điện thoại: 02438223838, máy lẻ 2914.
- Điện thoại di động: 0977901188.

Trân trọng cảm ơn./.

Trân trọng./.

ch/ NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN HÀ NỘI *Hà*



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thu Hà

Anh Lợi

Số 210609.022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ MỜI THẦU

**DỊCH VỤ BẢO HÀNH MỞ RỘNG, BẢO TRÌ HỖ TRỢ KỸ THUẬT VÀ BẢN QUYỀN
PHẦN MỀM CHO CÁC THIẾT BỊ MẠNG, BẢO MẬT VÀ CÂN BẰNG TẢI.**

[Signature]

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
VND	Đồng Việt Nam
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội
Hàng hóa	Mua dịch vụ bảo hành kỹ thuật mở rộng, bảo trì và bán quyền phần mềm theo yêu cầu của SHB



PHẦN I YÊU CẦU VỀ THỦ TỤC ĐẦU THẦU

CHƯƠNG I CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

A. TỔNG QUÁT

Điều 1. Thông tin đấu thầu

- SHB mời nhà thầu tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ bảo hành mở rộng, bảo trì hỗ trợ kỹ thuật và bản quyền phần mềm cho các thiết bị mạng, bảo mật và cân bằng tải (sau đây gọi tắt là "hàng hóa"), tên gói thầu được mô tả trong BDL.
- Thông tin chủ đầu tư: Thông tin về chủ đầu tư, địa chỉ trụ sở, mã số thuế, nơi nhận hồ sơ dự thầu được mô tả trong BDL.
- Thông tin gói thầu, hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho gói thầu: Thông tin về gói thầu, hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho gói thầu được mô tả trong BDL.

Điều 2. Phương thức đấu thầu

SHB tổ chức đấu thầu theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ, cụ thể:

Nhà thầu nộp hồ sơ kỹ thuật, tài chính vào một túi hồ sơ dự thầu.

Điều 3. Điều kiện tham gia đấu thầu

- Có tư cách hợp lệ như quy định trong BDL;
- Chi được tham gia trong một HSĐT với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh, trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên trong đó quy định rõ thành viên đứng đầu liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên đối với công việc thuộc gói thầu;
- Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc đảm nhận thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.
- Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu như quy định trong BDL.

Điều 4. Tính hợp lệ của hàng hóa

Tất cả các hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, được quy định trong BDL.

Điều 5. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia đấu thầu, kể từ khi nhận HSMT cho đến khi thông báo kết quả đấu thầu, riêng đối với nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

Điều 6. HSMT và giải thích làm rõ HSMT

1. HSMT bao gồm các nội dung được nêu tại các phần, chương, điều khoản và BDL của HSMT này. Việc kiểm tra, nghiên cứu các nội dung của HSMT để chuẩn bị HSDT thuộc trách nhiệm của nhà thầu.

2. Trường hợp nhà thầu muốn được giải thích làm rõ HSMT thì phải gửi văn bản đề nghị đến SHB theo địa chỉ và thời gian ghi trong BDL (nhà thầu có thể thông báo trước cho SHB qua điện thoại, e-mail...). Sau khi nhận được văn bản yêu cầu làm rõ HSMT theo thời gian quy định trong BDL, SHB sẽ có văn bản trả lời và gửi cho tất cả các nhà thầu nhận HSMT.

3. Trong trường hợp cần thiết, SHB tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu thấy chưa rõ. Nội dung trao đổi sẽ được SHB ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT gửi cho tất cả nhà thầu nhận HSMT.

Điều 7. Sửa đổi HSMT

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh phạm vi cung cấp hoặc điều chỉnh yêu cầu nào đó, SHB sẽ tiến hành sửa đổi HSMT (bao gồm cả việc gia hạn thời hạn nộp HSDT nếu cần thiết) bằng cách gửi văn bản sửa đổi HSMT tới tất cả các nhà thầu nhận HSMT được quy định trong BDL. Tài liệu này là một phần của HSMT.

B. CHUẨN BỊ HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 8. Ngôn ngữ sử dụng

Ngôn ngữ được sử dụng trong các tài liệu của HSDT là tiếng Việt. Các tài liệu sử dụng ngôn ngữ khác phải có bản dịch sang tiếng Việt và bản tiếng Việt là cơ sở pháp lý trong HSDT (tài liệu sử dụng các ngôn ngữ khác chỉ có tính chất tham khảo). Đối với Catalog và các tài liệu kỹ thuật khác có thể sử dụng bằng tiếng Anh.

Điều 9. Nội dung HSDT

HSDT do nhà thầu chuẩn bị phải bao gồm 01 bản gốc + 02 bản sao được đóng niêm phong theo quy định tại Điều 18 của HSMT, bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn dự thầu theo quy định tại Điều 11 Chương này;
2. Giá dự thầu và biểu giá, đồng tiền dự thầu theo quy định tại Điều 12 và 13 Chương này;
3. Bảng tổng hợp số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tại Mục II, Chương IV, Phần II HSMT.
4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Điều 14 Chương này;
5. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự đáp ứng của hàng hóa theo quy định tại Điều 4 Chương này;
6. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Điều 15 Chương này.



Điều 10. Thay đổi tư cách tham gia đấu thầu

Trường hợp nhà thầu cần thay đổi tư cách (tên) tham gia đấu thầu so với khi mua HSMT thì phải thông báo bằng văn bản tới SHB. SHB chỉ xem xét khi nhận được văn bản thông báo này trước thời điểm đóng thầu.

Điều 11. Đơn dự thầu

Đơn dự thầu do nhà thầu chuẩn bị và được điền đầy đủ có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ). Trường hợp ủy quyền, nhà thầu gửi kèm theo giấy ủy quyền để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

Điều 12. Giá dự thầu và biểu giá

1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu nêu trong đơn dự thầu thuộc HSDT sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá chào phải bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu (vận chuyển, giao hàng tại địa chỉ cụ thể, lắp đặt, cài đặt, hướng dẫn sử dụng...) và các loại thuế theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDT hoặc nộp riêng song phải đảm bảo nộp trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDT thì nhà thầu phải thông báo cho SHB trước hoặc tại thời điểm đóng thầu. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể trong biểu giá. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho từng hạng mục trong biểu giá.

3. Nhà thầu phải điền đầy đủ các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục hàng hóa và tổng giá dự thầu. Trong mỗi biểu giá, nhà thầu phải ghi rõ các yếu tố cấu thành giá chào, biểu giá chi tiết theo quy định tại Mục I, Phần III, Chương V HSMT.

Điều 13. Đồng tiền dự thầu

Giá dự thầu sẽ được chào bằng đồng tiền được quy định trong BDL.

Điều 14. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu như quy định trong BDL.

Điều 15. Bảo đảm dự thầu và bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Khi tham gia đấu thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định trong BDL.

2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ và thời gian quy định trong HSMT, không đúng tên nhà thầu, không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo đảm của ngân hàng).



3. Nhà thầu không trúng thầu sẽ được hoàn trả bảo đảm dự thầu trong thời gian quy định trong BDL. Đối với nhà thầu trúng thầu, bảo đảm dự thầu được hoàn trả sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

4. Bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả và xử lý theo quy định của pháp luật trong các trường hợp sau đây:

a) Nhà thầu rút HSDT sau khi đóng thầu mà HSDT vẫn còn hiệu lực;

b) Trong thời hạn 3 ngày kể từ khi nhận được thông báo trúng thầu của SHB mà không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng;

5. Nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng quy định trong BDL để đảm bảo nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng .

Nhà thầu không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.

Điều 16. Thời gian có hiệu lực của HSDT

1. Thời gian có hiệu lực của HSDT phải đảm bảo như quy định trong BDL và được tính từ thời điểm đóng thầu; HSDT có thời gian có hiệu lực ngắn hơn bị coi là không hợp lệ và bị loại.

2. SHB có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu gia hạn thời gian có hiệu lực của HSDT nhưng không quá 30 ngày, kèm theo việc yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn thì HSDT của nhà thầu này sẽ không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà thầu được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Điều 17. Quy cách của HSDT và chữ ký trong HSDT

1. Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc và một số bản sao HSDT được quy định trong BDL và ghi rõ "bản gốc" và "bản sao" tương ứng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản sao và bản gốc. Trong quá trình đánh giá, nếu SHB phát hiện bản sao có lỗi kỹ thuật như nhòe, không rõ chữ, thiếu trang... thì lấy nội dung của bản gốc làm cơ sở. Trường hợp bản sao có nội dung sai khác so với bản gốc thì tùy theo mức độ sai khác, SHB sẽ quyết định xử lý cho phù hợp, chẳng hạn sai khác đó là không cơ bản, không làm thay đổi bản chất của HSDT thì được coi là lỗi chấp nhận được; nhưng nếu sai khác đó làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT so với bản gốc thì bị coi là gian lận, HSDT sẽ bị loại.

2. HSDT phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giám giá, biểu giá chào và các văn bản bổ sung làm rõ HSDT của nhà thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký.

3. Những chữ viết chen giữa, tẩy xoá hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký ở bên cạnh của người ký đơn dự thầu và được đóng dấu (nếu có).

C. NỘP HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 18. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSDT

1. HSDT phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT được quy định trong BDL.

2. Trong trường hợp HSDT gồm nhiều tài liệu, nhà thầu cần thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDT của SHB được thuận tiện, đảm bảo sự toàn vẹn của HSDT, tránh thất lạc, mất mát. Nhà thầu nên đóng gói tất cả các tài liệu của HSDT vào cùng một túi. Trường hợp cần đóng gói thành nhiều túi nhỏ để dễ vận chuyển thì trên mỗi túi phải ghi rõ số thứ tự từng túi trên tổng số túi để đảm bảo tính thống nhất và từng túi cũng phải được đóng gói, niêm phong và ghi theo đúng quy định.

3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới SHB, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT. SHB sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng theo chỉ dẫn.

Điều 19. Thời hạn nộp HSDT

1. HSDT do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của SHB quy định và phải đảm bảo SHB nhận được trước thời điểm đóng thầu quy định trong BDL.

2. SHB có thể gia hạn thời hạn nộp HSDT (thời điểm đóng thầu) trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSDT hoặc khi sửa đổi HSMT theo Điều 7 HSMT này hoặc theo yêu cầu của nhà thầu khi SHB xét thấy cần thiết.

3. Khi gia hạn thời hạn nộp HSDT, SHB thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu đã nộp HSDT, trong đó ghi rõ thời điểm đóng thầu mới để nhà thầu sửa lại thời gian có hiệu lực của HSDT và bảo đảm dự thầu nếu thấy cần thiết. Nhà thầu có thể nhận lại và chỉnh sửa HSDT đã nộp. Trường hợp nhà thầu chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDT thì SHB quản lý HSDT đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.

Điều 20. HSDT nộp muộn

Bất kỳ tài liệu nào thuộc HSDT kể cả thư giảm giá (nếu có) mà SHB nhận được sau thời điểm đóng thầu đều được coi là không hợp lệ và được gửi trả lại cho nhà thầu theo nguyên trạng, trừ tài liệu làm rõ HSDT theo yêu cầu của SHB.

Điều 21. Sửa đổi hoặc rút HSDT

Khi muốn sửa đổi hoặc rút HSDT đã nộp, nhà thầu phải có văn bản đề nghị và SHB chỉ chấp thuận nếu nhận được văn bản đề nghị của nhà thầu trước thời điểm đóng thầu; văn bản đề nghị rút HSDT phải được gửi riêng biệt với HSDT.

D. MỞ THẦU VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Điều 22. Mở thầu

1. Việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo ngày, giờ, địa điểm quy định trong BDL trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời. SHB có thể mời đại diện của các cơ quan có liên quan đến tham dự lễ mở thầu.

2. SHB tiến hành mở lần lượt HSDT của từng nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSMT như nhà thầu không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển tới SHB, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn. HSDT của nhà thầu có văn bản xin rút HSDT đã nộp (nộp riêng biệt với HSDT và SHB nhận được trước thời điểm đóng thầu) và HSDT của nhà thầu nộp sau thời điểm đóng thầu sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.

3. Việc mở HSDT của từng nhà thầu được thực hiện theo trình tự như sau:

a) Kiểm tra niêm phong HSDT ;

b) Mở HSDT và đọc các thông tin về :

- Tên nhà thầu;

- Số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;

- Giá chào thầu

- Thời gian có hiệu lực của HSDT;

- Giá trị, thời hạn hiệu lực và biện pháp bảo đảm dự thầu;

- Thời gian thực hiện hợp đồng;

- Các thông tin khác có liên quan.

4. Biên bản mở thầu: Các thông tin nêu tại Điểm c Khoản 3 phải được ghi trong biên bản mở thầu. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của SHB và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Bản chụp Biên bản mở thầu được gửi cho các nhà thầu tham dự thầu.

Điều 23. Làm rõ HSDT

1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ hồ sơ dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu. Trường hợp hồ sơ dự thầu của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung về kỹ thuật, tài chính nêu trong hồ sơ dự thầu của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của hồ sơ dự thầu đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

2. Trường hợp sau khi đóng thầu, nếu nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà thầu được phép gửi

tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Tất cả các tài liệu này (nếu có) phải được đóng tập và thực hiện như đối với HSDT (ký tên, chứng thực, sổ bản gốc, sổ bản sao,...). Thời gian cho phép nhà thầu tự gửi hồ sơ bổ sung này không quá 07 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.

Bên mời thầu sẽ tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ hợp lệ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của hồ sơ dự thầu.

3. Việc làm rõ hồ sơ dự thầu chỉ được thực hiện giữa bên mời thầu và nhà thầu có hồ sơ dự thầu cần phải làm rõ và phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu. Nội dung làm rõ hồ sơ dự thầu phải thể hiện bằng văn bản và được bên mời thầu bảo quản như một phần của hồ sơ dự thầu.

Điều 24. Đánh giá sơ bộ HSDT

I. Nguyên tắc đánh giá hồ sơ dự thầu:

Việc đánh giá hồ sơ dự thầu căn cứ vào tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu và các yêu cầu khác trong hồ sơ mời thầu, căn cứ vào hồ sơ dự thầu đã nộp, các tài liệu giải thích, làm rõ hồ sơ dự thầu của nhà thầu để bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm, có giải pháp khả thi để thực hiện gói thầu.

II. Nội dung đánh giá hồ sơ dự thầu:

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDT, gồm:

a. Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp của hồ sơ dự thầu.

b. Kiểm tra các thành phần của hồ sơ dự thầu, bao gồm: Đơn dự thầu, thoả thuận liên danh (nếu có), giấy uỷ quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật, đề xuất về tài chính và các thành phần khác thuộc hồ sơ dự thầu;

c. Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu.

2. Đánh giá tính hợp lệ của hồ sơ dự thầu:

a. Có bản gốc hồ sơ dự thầu;

b. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về mặt kỹ thuật. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên ký tên, đóng dấu hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thoả thuận liên danh.

c. Hiệu lực của hồ sơ dự thầu đáp ứng yêu cầu theo quy định trong hồ sơ mời thầu.

d. Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu; đối với bảo đảm dự thầu theo hình thức thư bảo lãnh ngân hàng thì phải được

đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng tại Việt Nam ký tên, đóng dấu và đảm bảo thời gian hiệu lực và giá trị bảo đảm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.

d. Không có tên trong hai hoặc nhiều hồ sơ dự thầu với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh).

e. Có thoả thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu.

f. Nhà thầu không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

h. Tính hợp lệ, sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hoá theo quy định tại Điều 4 HSMT;

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1**

3. Đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu theo tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định tại Chương III

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2**

Điều 25. Đánh giá về mặt kỹ thuật

Chi tiết thang điểm chấm đánh giá theo **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3**

Điều 26. Xác định giá đánh giá

SHB xác định giá đánh giá của các HSDT theo trình tự sau đây: xác định giá dự thầu; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch sang một đồng tiền chung (nếu có); đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá. Trường hợp có thu giảm giá thì SHB sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá trị thầu ghi trong đơn. Giá đánh giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại và các yếu tố khác để so sánh, xếp hạng HSDT. Các yếu tố để xác định giá đánh giá được nêu tại Chương III HSMT.

Chi tiết gồm các nội dung quy định tại **Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4**.

Điều 27. Sửa lỗi

1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học, lỗi khác và được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Đối với lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác:

- Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi;

- Trường hợp không nhất quán giữa bảng giá tổng hợp và bảng giá chi tiết thì lấy bảng giá chi tiết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi.

b) Đối với các lỗi khác :

- Cột thành tiền được điền vào mà không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng;
- Khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá;
- Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Chương này.
- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu"." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam.

2. Sau khi sửa lỗi theo nguyên tắc trên, SHB sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà thầu. Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho SHB về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại. Trường hợp HSDT có lỗi số học với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu cũng sẽ bị loại. Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi sửa.

Điều 28. Hiệu chỉnh các sai lệch

1. Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong HSDT so với yêu cầu của HSMT cũng như điều chỉnh những khác biệt giữa các phần của HSDT; giữa con số và chữ viết; giữa nội dung trong đơn dự thầu và các phần khác của HSDT. Việc hiệu chỉnh các sai lệch được thực hiện như sau:

- a) Trường hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, phần chào thừa sẽ được trừ đi theo nguyên tắc nếu không thể tách ra trong giá dự thầu của nhà thầu đang tiến hành sửa sai lệch thì lấy mức giá chào cao nhất đối với nội dung này (nếu chào thiếu) và lấy mức giá chào thấp nhất (nếu chào thừa) trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật. Trong trường hợp các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật cũng không có hoặc chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về mặt kỹ thuật thì tiến hành sửa sai lệch trên cơ sở lấy mức giá của nhà thầu này (nếu có) hoặc của các HSDT hoặc trong dự toán, tổng dự toán hoặc trong giá gói thầu được duyệt theo nguyên tắc lấy mức giá cao nhất (đối với chào thiếu) hoặc thấp nhất (đối với chào thừa) để áp dụng cho các nội dung nêu trên;
- b) Trường hợp không nhất quán giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc hiệu chỉnh sai lệch;
- c) Trường hợp có sự sai khác giữa giá ghi trong đơn dự thầu (không kể giảm giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì được coi đây là sai lệch và việc hiệu chỉnh sai lệch này được căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi được hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết.

2. HSDT có sai lệch với tổng giá trị tuyệt đối lớn hơn 10% giá dự thầu sẽ bị loại. Giá trị các sai lệch được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá dự thầu tăng lên hay giảm đi sau khi hiệu chỉnh sai lệch.

E. TRÚNG THẦU

Điều 29. Điều kiện được xem xét trúng thầu:

1. Có HSDT hợp lệ (Theo bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1);
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của HSMT (Theo bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2);
3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT (Theo bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3);
4. Có sai lệch không quá 10% giá dự thầu (Theo Điều 28 HSMT);
5. Có giá dự thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá (nếu có) thấp nhất.

Điều 30. Quyền của bên mời thầu được chấp nhận, loại bỏ bất kỳ hoặc tất cả các HSDT

SHB được quyền đề xuất chấp nhận, loại bỏ HSDT hoặc hủy đấu thầu nếu không có nhà thầu nào đáp ứng yêu cầu và nhu cầu của SHB.

Điều 31. Thông báo kết quả đấu thầu

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu, SHB gửi văn bản thông báo kết quả đấu thầu cho các nhà thầu tham dự thầu (bao gồm cả nhà thầu trúng thầu và nhà thầu không trúng thầu). Trong thông báo kết quả đấu thầu, SHB không phải giải thích lý do đối với nhà thầu không trúng thầu.

Điều 32. Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Thương thảo, hoàn thiện và ký kết hợp đồng được thực hiện như sau:

1. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng căn cứ theo các nội dung sau:

- Kết quả đấu thầu được duyệt;
- Dự thảo hợp đồng đã được điền đầy đủ thông tin cụ thể của gói thầu;
- Các yêu cầu nêu trong HSMT;
- Các nội dung nêu trong HSDT và giải thích làm rõ HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
- Các nội dung cần được thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa SHB và nhà thầu trúng thầu.

2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu, nhà thầu trúng thầu phải gửi cho SHB thư chấp thuận thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu SHB không nhận được thư chấp thuận hoặc nhà thầu từ chối thương thảo, hoàn thiện hợp đồng thì bảo đảm dù

thầu của nhà thầu này sẽ bị xử lý theo quy định. Đồng thời, SHB sẽ báo cáo đến cấp có thẩm quyền quyết định hủy kết quả đấu thầu trước đó và xem xét, quyết định nhà thầu xếp hạng tiếp theo trúng thầu để mời vào thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được SHB yêu cầu gia hạn hiệu lực HSDT và bảo đảm dự thầu nếu cần thiết.

3. Nội dung thương thảo, hoàn thiện hợp đồng bao gồm các vấn đề còn tồn tại, chưa hoàn chỉnh, đặc biệt là việc áp giá đối với những sai lệch trong HSDT trên nguyên tắc đảm bảo giá ký hợp đồng không vượt giá trúng thầu được duyệt. Việc thương thảo, hoàn thiện hợp đồng cũng bao gồm cả việc nghiên cứu các sáng kiến, giải pháp do nhà thầu đề xuất, phương án thay thế (nếu có yêu cầu), chi tiết hóa các nội dung còn chưa cụ thể, ...

4. Sau khi đạt được kết quả thương thảo, hoàn thiện, SHB và nhà thầu sẽ tiến hành ký hợp đồng.

CHƯƠNG II

BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

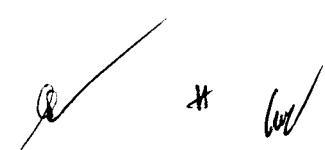
Bảng dữ liệu đầu thầu bao gồm các nội dung chi tiết của gói thầu theo một số Điều tương ứng trong Chương I (Chi dẫn đối với nhà thầu). Nếu có bất kỳ sự khác biệt nào so với các nội dung tương ứng trong Chương I thì căn cứ vào các nội dung trong Chương này.

	1	Tên gói thầu: “Dịch vụ bảo hành mở rộng, bảo trì hỗ trợ kỹ thuật và bản quyền phần mềm cho các thiết bị mạng, bảo mật và cân bằng tải”
1	2	<p>Chủ đầu tư: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)</p> <p>Địa chỉ trụ sở: Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.</p> <p>Mã số thuế: 1800278630</p> <p><u>Nơi nhận hồ sơ dự thầu:</u></p> <p>Trung tâm mua sắm, Tầng 3- số 81 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.</p> <p>Người liên hệ: Mr Nguyễn Ngọc Cầu</p> <p>Điện thoại: 0438223838-2914, Mobile: 0977.901.188</p>
	3	Thông tin gói thầu : cung cấp dịch vụ bảo hành mở rộng, bảo trì hỗ trợ kỹ thuật và bản quyền phần mềm cho các thiết bị mạng, bảo mật và cân bằng tải.
2		<p>Nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu bao gồm các tài liệu sau :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đơn dự thầu; + Giá dự thầu và biểu giá theo quy định; + Thư giảm giá (nếu có) + Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu; + Tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa yêu cầu của hồ sơ mời thầu; + Tài liệu chứng minh đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật dịch vụ được nêu tại Mục II, Chương IV, Phần II HSMT (Yêu cầu về kỹ thuật, dịch vụ), đối với những nội dung yêu cầu mà nhà thầu không có tài liệu cụ thể chứng minh thì phải có bản cam kết đáp ứng kèm theo. + Giấy tờ chứng minh mối quan hệ với các hãng sản xuất. + Các tài liệu kỹ thuật khác liên quan theo yêu cầu hồ sơ mời thầu.
3	1	Tư cách hợp lệ của nhà thầu: Nhà thầu phải có đủ các điều kiện sau:

Điều Khoản	Nội dung
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. - Hạch toán tài chính độc lập; - Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; - Không thuộc diện bị cấm tham gia đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu. - Trường hợp liên danh: Ngoài việc từng nhà thầu nộp các giấy tờ như quy định đối với nhà thầu độc lập, nhà thầu liên danh phải nộp kèm theo văn bản thỏa thuận liên danh giữa các nhà thầu được ký bởi đại diện hợp pháp của các nhà thầu trong đó quy định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng nhà thầu đối với gói thầu. - Có giấy tờ chứng minh tư cách hợp pháp của người đại diện nhà thầu trong đơn dự thầu.
4	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu: Nhà thầu tham gia đấu thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính với SHB (Trường hợp liên danh thì từng nhà thầu phải độc lập về tổ chức và độc lập về tài chính).</p> <p>Nhà thầu cần xem kỹ mọi hướng dẫn, mẫu khai, thời hạn và các thông tin khác trong HSMT. HSDT của Nhà thầu có thể bị loại nếu không cung cấp đủ thông tin cần thiết hay nếu hồ sơ đó về cơ bản không đạt yêu cầu của HSMT.</p>
4	<p>Hàng hóa được coi là hợp lệ khi đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ các thiết bị cung cấp theo gói thầu phải đảm bảo dịch vụ và bản quyền của chính hãng theo phạm vi cung cấp của HSMT.
6 2	<p>Địa chỉ nhận văn bản đề nghị giải thích, làm rõ: Nêu tại Điều 1 Khoản 2 BDL.</p> <p>Thời gian nhận được văn bản yêu cầu giải thích không muộn hơn 04 ngày làm việc trước thời điểm đóng thầu.</p>
7 1	<p>SHB có quyền sửa đổi HSMT bằng cách phát hành phần bổ sung với bất kỳ lý do nào và tại bất kỳ thời điểm nào trước hạn nộp HSDT hoặc sau thời điểm đóng thầu (nếu chưa tiến hành mở hồ sơ dự thầu).</p> <p>Tất cả các bên tham gia đấu thầu đều được thông báo về phần bổ sung bằng văn bản và họ sẽ bị ràng buộc bởi phần bổ sung này.</p> <p>Để nhà thầu có đủ thời gian điều chỉnh HSDT thích ứng với phần sửa đổi, SHB sẽ gia hạn thời gian nộp HSDT, nếu cần thiết.</p>
13 1	Đồng tiền dự thầu: Việt Nam đồng (VND).
14 1	Năng lực và kinh nghiệm: Nhà thầu phải đáp ứng hoặc cung cấp các tài liệu sau nhằm

Điều	Khoản	Nội dung
		<p>đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm:</p> <p>*Năng lực cung cấp, triển khai</p> <ul style="list-style-type: none"> ○ Đơn vị phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật cho các thiết bị bảo mật; ○ Đơn vị phải có tối thiểu 02 hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật cho các thiết bị mạng và bảo mật trong 3 năm gần nhất, mỗi hợp đồng có giá trị không thấp hơn giá chào thầu; ○ Đơn vị phải cung cấp thư hỗ trợ của hãng để đảm bảo sản phẩm chào giá là hàng chính hãng và được sự hỗ trợ của hãng trong quá trình bảo hành; ○ Đơn vị cung cấp giấy tờ chứng minh mối quan hệ với hãng sản xuất; <p>*Năng lực tài chính</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo tình hình tài chính trong 02 năm gần nhất kèm giấy tờ chứng minh không nợ đọng về thuế, doanh thu bình quân đạt tối thiểu 10 tỷ đồng/năm;
15	1	<p>Nội dung yêu cầu đối với bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Theo kết quả thương thảo, thống nhất giữa hai bên. - Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bằng thư bảo đảm của một ngân hàng hợp pháp tại Việt Nam. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng. - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tối thiểu 90 ngày kể từ khi phát hành.
16	1	Thời gian có hiệu lực của HSDT là 90 ngày kể từ thời điểm đóng thầu.
17	1	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải cung cấp 01 bản hồ sơ gốc, 02 bản sao có ghi rõ “Hồ sơ bản gốc” hay “Hồ sơ bản sao”. Bản gốc phải được ký nháy ở tất cả các trang bởi người đại diện có thẩm quyền của Nhà thầu; - Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa bản gốc và bản sao, bản gốc có giá trị quyết định;
18	1	<p>Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSDT:</p> <p>Tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ của nhà thầu</p> <p>Tên, địa chỉ bên mời thầu: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB)</p> <p>Địa chỉ trụ sở: Số 77 Phố Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành Phố Hà Nội.</p> <p>Tên gói thầu: “Dịch vụ bảo hành mở rộng, bảo trì hỗ trợ kỹ thuật và bản quyền phần mềm cho các thiết bị mạng, bảo mật và cân bằng tải ”</p> <p>(Trường hợp sửa đổi HSDT, ngoài các nội dung nêu trên còn phải ghi thêm dòng chữ “Hồ sơ dự thầu sửa đổi”)</p>

Điều Khoản		
19	1	HSDT được gửi đến SHB không muộn hơn 15h, ngày 21 tháng 6 năm 2021. Hồ sơ nhận sau thời hạn quy định sẽ không được mở, bị loại và gửi trả nguyên vẹn cho Nhà thầu.
20	1	Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai vào lúc 15h30, ngày 21 Tháng 6 năm 2021.



CHƯƠNG III
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ
VÀ NỘI DUNG XÁC ĐỊNH GIÁ ĐỀ NGHỊ TRÚNG THẦU

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 1

TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HỒ SƠ DỰ THẦU

TT	Nội dung	Đáp ứng/Không đáp ứng
1	Tính hợp lệ của đơn dự thầu	
2	Tính hợp lệ của thỏa thuận liên danh	
3	Tư cách hợp lệ của nhà thầu	
4	Tính hợp lệ, sự đáp ứng của hàng hóa	
5	Có đủ 01 bản gốc và 02 bản chụp HSDT	

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 2
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

STT	Nội dung	M/O	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng (đạt)
1	Kinh nghiệm:		
	a) Các hợp đồng tương tự đã thực hiện với tư cách là nhà thầu chính hoặc một thành viên của liên danh	M	Đơn vị phải có tối thiểu 02 hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật cho các thiết bị mạng và bảo mật trong 3 năm gần nhất, mỗi hợp đồng có giá trị không thấp hơn giá chào thầu;
2	b) Số năm kinh nghiệm	M	Đơn vị phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật cho các thiết bị bảo mật;
	Năng lực cung cấp, triển khai	M	Có Bản sao y công chứng giấy phép bán hàng hoặc chứng nhận là đại lý bán hàng hoặc cam kết hỗ trợ bán hàng và bảo hành của nhà sản xuất cho đơn vị cung cấp
	a) Có mối quan hệ với nhà sản xuất		
	b) Tiến độ triển khai	O	Đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục II-Chương V-Phần III
3	Năng lực tài chính		
	a) Báo cáo tình hình tài chính	M	
	b) Doanh thu bình quân	O	Doanh thu bình quân đạt tối thiểu 10 tỷ đồng/năm
	c) Điều kiện thanh toán	O	Có cam kết đáp ứng yêu cầu tại Mục II Chương V Phần III HSMT
	Kết luận		Đạt/Không đạt

- Các tiêu chuẩn đánh giá năng lực kinh nghiệm được sử dụng theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu được đánh giá đạt yêu cầu về mặt năng lực kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chí đánh dấu “M” (mandatory) tại cột M/O.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 3
TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT, CHẤT LƯỢNG

TT	Nội dung yêu cầu	Sử dụng tiêu chí Đạt/ Không đạt
A	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	
	Có bản cam kết đáp ứng tất cả các yêu cầu nêu tại Mục 2 Chương IV HSMT này	Đạt
	Không có bản cam kết hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu tại Mục 2 Chương IV HSMT này	Không đạt
B	PHẠM VI CUNG CẤP	
	Có cam kết đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tổ chức cung cấp hàng hóa, dịch vụ nêu tại Biểu phạm vi cung cấp (Mục 1.1 Chương IV HSMT này)	Đạt
	Không có cam kết đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về tổ chức cung cấp hàng hóa, dịch vụ nêu tại Biểu phạm vi cung cấp (Mục 1.1 Chương IV HSMT này)	Không đạt
C	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	
	Có cam kết đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trong biểu Kế hoạch thực hiện (Mục 1 Chương IV HSMT này)	Đạt
	Không có cam kết đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu trong biểu Kế hoạch thực hiện (Mục 1 Chương IV HSMT này)	Không đạt

Bảng tiêu chuẩn đánh giá số 4

XÁC ĐỊNH GIÁ ĐÁNH GIÁ

Số thứ tự	Nội dung	Căn cứ xác định
1	Xác định giá dự thầu	Theo Điều 12 Chương I
2	Sửa lỗi	Theo Điều 27 Chương I
3	Hiệu chỉnh các sai lệch	Theo Điều 28 Chương I
4	Giá trị giảm giá (nếu có)	Theo thư giảm giá của nhà thầu
5	Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và giảm giá	Tổng của giá trị các nội dung (1)+(2)+(3)+(4)
6	Chuyển đổi giá dự thầu sang một đồng tiền chung (nếu có)	Không áp dụng (Nhà thầu phải chào bằng tiền Việt Nam đồng)
7	Giá đánh giá	Giá trị nội dung mục 5

A handwritten signature consisting of two stylized characters, likely initials, followed by a checkmark symbol.

PHẦN II

YÊU CẦU VỀ CUNG CẤP

CHƯƠNG IV

YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP, KỸ THUẬT, DỊCH VỤ, CHẤT LƯỢNG

Mục 1: Phạm vi cung cấp :

1. Danh mục hàng hóa mua dịch vụ bảo hành, bảo trì, hỗ trợ kỹ thuật và bản quyền phần mềm :

			SD	Serial Number
1.1	CPSB-EVS-COMP-25-1Y	SmartEvent, SmartReporter and Compliance for 25 gateways (Smart-1 & open server) 1 year	1	
1.2	CPCES-CO-STANDARD	Standard Collaborative Enterprise Support for 1 years	1	
2.1	CPSB-NGTP-15400-1Y	Next Generation Threat Prevention Package for 1 year for 15400 Appliance	1	
2.2	CPCES-CO-STANDARD	Standard Collaborative Enterprise Support for 1 years	2	
3.1	CPSB-NGTP-5900-1Y	Next Generation Threat Prevention Package for 1 year for 5900 Appliance	1	
3.2	CPCES-CO-STANDARD	Standard Collaborative Enterprise Support for 1 years	1	
4.1	ISR4451-X-SEC/K9	Thiết bị định tuyến Cisco ISR4451	2	
4.2	CON-SNT-ISX451-X	01 năm dịch vụ bảo hành + hỗ trợ kỹ thuật 5x8 NBD chính hãng SmartNet	2	

5	WS-C2960X-24TS-L Thiết bị chuyển mạch Cisco WS-2960X-24TS-L			
5.1	WS-C2960X-24TS-L	Thiết bị chuyển mạch Cisco WS-2960X-24TS-L	2	
5.2	CON-SNT-WSC296XT	01 năm dịch vụ bảo hành + hỗ trợ kỹ thuật 5x8 NBD chính hãng SmartNet	2	
6	FG-501E-BDL Thiết bị tường lửa Fortigate 501E			
6.1	FG-501E-BDL	Thiết bị tường lửa Fortigate 501E		
6.2	FC-10-0501E-900-02-12	01 năm dịch vụ bảo hành + hỗ trợ kỹ thuật 5x8 NBD chính hãng FortiCare	2	
7	BPL - 1350 Thiết bị cân bằng tải Peplink 1350			
7.1	BPL - 1350	Thiết bị cân bằng tải Peplink 1350	2	
8	WBG5500DNBD Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật phần cứng - chính hãng McAfee			
8.1	WBG5500DNBD	Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật phần cứng - chính hãng McAfee	2	
8.2	WSGCKE-AA	Bản quyền phần mềm - MFE Web Security P:1 BZ	2100	
8.3	WAMCKE-AA	Bản quyền phần mềm - MFE Web Anti-Malware P:1 BZ	2100	
9	CISCO ISR4431/K9 Smartnet 8x5xNBD Service, Cisco ISR 4431			
9.1	CISCO ISR4431/K9	Smartnet 8x5xNBD Service, Cisco ISR 4431	2	
10	Fortigate 310B Unified (UTM) Protection (24x7 FortiCare plus Application Control, IPS, AV, Web Filtering and Antispam, FortiSandbox Cloud)			
10.1	Fortigate 310B	Unified (UTM) Protection (24x7 FortiCare plus Application Control, IPS, AV, Web Filtering and Antispam, FortiSandbox Cloud)	1	FG300B3911602533
10.2	Fortigate 300D	Unified (UTM) Protection (24x7 FortiCare plus Application Control, IPS, AV, Web Filtering and Antispam, FortiSandbox Cloud)	2	FGT3HD3915800740 FGT3HD3915800697
11	FS-BIG-BT-7050			

larry A

2. Kế hoạch thực hiện

TT	Danh mục hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ thực hiện
1	Dịch vụ bảo hành mở rộng cho các thiết bị mạng, bảo mật, cân bằng tải tại Trung tâm dữ liệu (<i>Chi tiết danh sách các thiết bị mua dịch vụ tại biểu Phạm vi cung cấp</i>)			Thời gian bắt đầu cung cấp dịch vụ là sau tối đa 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và được thực hiện liên tục với khoảng thời gian chi tiết cho từng thiết bị nêu tại cột “Thời gian mua dịch vụ” trong biểu Phạm vi cung cấp

Mục 2 : Yêu cầu về kỹ thuật

1. Yêu cầu về dịch vụ bảo hành

- Thời gian bảo hành: kể từ ngày hết hạn bảo hành của các thiết bị được nêu trong Phụ lục 01 của HSMT đến hết ngày 31/08/2022;
- Địa điểm bảo hành: Tại TTDL chính và TTDL dự phòng của SHB;
- Dịch vụ bảo hành được thực hiện bởi kỹ sư chính hãng đối với các thiết bị CNTT của Bên Mua theo danh mục thiết bị trong bảng chào giá;
- Chẩn đoán và xử lý các sự cố phần cứng cho các thiết bị CNTT của Bên Mua theo danh mục thiết bị trong bảng chào giá;
- Bên Bán phải dự trữ sẵn thiết bị, linh kiện thay thế khi thiết bị hoặc linh kiện bị lỗi, thời gian thay thế tối đa là 01(một) ngày cho từng thiết bị hoặc linh kiện đảm bảo đưa hệ thống CNTT của Bên Mua hoạt động trở lại bình thường;
- Các thiết bị thay thế phải là hàng hoá chính hãng, mới 100%, chưa qua sử dụng và được bảo hành 01 năm kể từ ngày Bên Bán bàn giao thiết bị cho Bên Mua;
- Bảo hành theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất thiết bị
- Mọi chi phí liên quan đến công tác bảo hành thuộc trách nhiệm của Bên Bán.

2. Yêu cầu về dịch vụ bảo trì

2.1.1. Dịch vụ kiểm tra và tối ưu hoạt động hệ thống

- Kiểm tra về tham số cấu hình đã được cài đặt và đưa ra các báo cáo về cấu hình của hệ thống, định kỳ 03 tháng/lần hoặc theo yêu cầu của Bên Mua. Phân tích, đánh giá và đưa ra các khuyến cáo các vấn đề cần cấu hình để hệ thống duy trì tính sẵn sàng, ổn định;
- Kiểm tra về hiệu năng hoạt động của hệ thống định kỳ 03 tháng/lần hoặc theo yêu cầu của Bên Mua. Trên cơ sở các báo cáo kiểm tra hiệu năng hoạt động đưa ra các đánh giá và giải pháp tối ưu hóa hiệu năng hoạt động của hệ thống;
- Thực hiện tinh chỉnh và cấu hình các tham số hệ thống để tối ưu năng lực xử lý của hệ thống theo yêu cầu của Bên Mua.

2.1.2. Nâng cấp phiên bản

- Định kỳ 03 tháng/lần rà soát phiên bản firmware thiết bị, hệ điều hành, phần mềm hệ thống và đưa ra báo cáo về hiện trạng firmware, hệ điều hành cùng với khuyến cáo các bản vá cần nâng cấp (xử lý các vấn đề về tiềm ẩn rủi ro liên quan đến bug đối với version hiện tại, lỗ hổng bảo mật, ...);

- Xây dựng kịch bản và thực hiện nâng cấp phiên bản firmware thiết bị, hệ điều hành, phần mềm hệ thống theo yêu cầu của Bên Mua.

2.1.3. Xử lý lỗi

- Bên Bán cam kết đáp ứng hỗ trợ kỹ thuật 8x5 NBD trong thời gian thực hiện dịch vụ. Chế độ hỗ trợ kỹ thuật 8x5 NBD bao gồm các yêu cầu cụ thể sau:
 - Thời gian hỗ trợ kỹ thuật: 08 giờ/ngày và 05 ngày/tuần;
 - Thời gian đáp ứng: kỹ sư của Bên Bán có mặt tại địa điểm của Bên Mua trong vòng 01h (một giờ) sau khi nhận được thông báo và yêu cầu về việc khắc phục, xử lý sự cố. Trong vòng 04h (bốn giờ) từ thời điểm có mặt tại địa điểm của Bên Mua phải đề xuất được giải pháp khả thi để khắc phục sự cố và hoàn thành thực hiện theo giải pháp được sự đồng ý của Bên Mua;
 - Các hoạt động hỗ trợ phải được ghi nhận nhật ký thực hiện.
- Đối với các lỗi xảy ra do phiên bản phần mềm đang vận hành, Bên Bán có trách nhiệm yêu cầu hãng tạo mới hoặc cung cấp các bản vá để xử lý các lỗi đã xảy ra của Bên Mua trong vòng 04 (bốn) giờ đảm bảo hệ thống hoạt động bình thường.

2.2. Dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật

- Bên Bán cung cấp thông tin cán bộ đầu mối để Bên Mua liên lạc khi Bên Mua có yêu cầu tư vấn về hỗ trợ kỹ thuật về thiết bị bảo mật. Khi có sự thay đổi về cán bộ đầu mối, Bên Bán có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới Bên Mua và cung cấp thông tin cán bộ thay thế;
- Bên Bán có trách nhiệm tư vấn và hỗ trợ cán bộ kỹ thuật của Bên Mua trong các công tác sau:
 - Quản trị, vận hành hệ thống thiết bị bảo mật;
 - Thay đổi/nâng cấp cấu hình phần cứng các thiết bị CNTT thuộc danh mục thiết bị chào giá.

PHẦN III TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI

CHƯƠNG V YÊU CẦU VỀ ĐIỀU KIỆN TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI

I. **Bảng chào giá chi tiết:** nhà thầu chào giá bằng tiền VNĐ theo bảng dưới đây

1	2	3	4	5=3*4	6=5*%VAT	7=5+6

II. Thanh toán:

SHB sẽ thanh toán làm 02 đợt vào tài khoản của nhà thầu mở tại Ngân Hàng SHB, cụ thể như sau :

- Đợt 1: Tạm ứng 30% giá trị hợp đồng sau khi hai bên ký kết hợp đồng và nhà thầu nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng.
- Đợt 2: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng (có khấu trừ 30% tạm ứng) sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc theo hợp đồng, cung cấp các giấy tờ cần thiết cho việc thanh toán (biên bản nghiệm thu kỹ thuật, biên bản bàn giao, hóa đơn tài chính, giấy chứng nhận ...), các trường hợp khác có thể đàm phán cụ thể trước khi ký kết hợp đồng.

NGÂN HÀNG TMCP SÀI GÒN HÀ NỘI



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Ngô Thủ Hà

PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH THIẾT BỊ VÀ THỜI GIAN MUA DỊCH VỤ

STT	Mã hiệu	Hàng mục	Số lượng	Serial Number	Ngày hết hạn hiện tại	Ngày dự kiến mua
1	2		1		0	
1	Smart-1 525 Next Generation Security Management Appliance for 25 gateways Solution		1	B4S0BQ2	03/05/2021	31/08/2022
1.1	CPSB-EVS-COMP-25-1Y	SmartEvent, SmartReporter and Compliance for 25 gateways (Smart-1 & open server) 1 year	1			
1.2	CPCES-CO-STANDARD	Standard Collaborative Enterprise Support for 1 years	1			
2	15400 Next Generation Threat Prevention Appliance - High Performance Package (HPP)		1	LR201804007841 LR201804007838	03/05/2021	31/08/2022
2.1	CPSB-NGTP-15400-1Y	Next Generation Threat Prevention Package for 1 year for 15400 Appliance	1			
2.2	CPCES-CO-STANDARD	Standard Collaborative Enterprise Support for 1 years	2			
3	5900 Next Generation Threat Prevention Appliance - High Performance Package (HPP)		1	1823BA2896	03/05/2021	31/08/2022
3.1	CPSB-NGTP-5900-1Y	Next Generation Threat Prevention Package for 1 year for 5900 Appliance	1			
3.2	CPCES-CO-STANDARD	Standard Collaborative Enterprise Support for 1 years	1			
4	ISR4451-X-SEC/K9	Thiết bị định tuyến dữ liệu trong mạng	2	FGL224530PQ FGL224530PR	01/07/2021	31/08/2022
4.1	ISR4451-X-SEC/K9	Thiết bị định tuyến Cisco ISR4451	2			



4.2	CON-SNT-ISX451-X	01 năm dịch vụ bảo hành + hỗ trợ kỹ thuật 5x8 NBD chính hãng SmartNet	2				
5	WS-C2960X-24TS-L	Thiết bị chuyển mạch dữ liệu trong mạng	2	FOC2245T2XP	01/07/2021	31/08/2022	
5.1				FOC2245T2Z8			
5.2	CON-SNT-WSC296XT	01 năm dịch vụ bảo hành + hỗ trợ kỹ thuật 5x8 NBD chính hãng SmartNet	2				
6	FG-501E-BDL	Thiết bị bảo vệ hệ thống mạng trước các truy cập từ Internet	2	FG5H1E5818904709	01/07/2021	31/08/2022	
6.1				FG5H1E5818904807			
6.2	FC-10-0501E-900-02-12	01 năm dịch vụ bảo hành + hỗ trợ kỹ thuật 5x8 NBD chính hãng FortiCare	2				
7	BPL - 1350	Thiết bị cân bằng tải cho hệ thống Internet FTTH	2	182C-6636-0A05	01/07/2021	31/08/2022	
7.1				182C-6496-A20D			
8	WBG-5500-D	Thiết bị kiểm soát truy cập Internet	2	A1C6821877	01/07/2021	31/08/2022	
8.1				A0C6837151			
8.2	WSGCKE-AA	Dịch vụ bảo hành và hỗ trợ kỹ thuật phần cứng - chính hãng McAfee	2				
8.3	WAMCKE-AA	Bản quyền phần mềm - MFE Web Security P:1 BZ	2100				
9	Thiết bị mạng						
9.1	CISCO ISR4431/K9	CISCO ISR4431/K9 - Smartnet 8x5xNBD Service, Cisco ISR 4431	2	FTX1929AHAK	31/08/2020	31/08/2022	
				FTX1924AHG6			

10	Thiết bị bảo mật					
10.1	Fortigate 310B	Fortigate 310B - Unified (UTM) Protection (24x7 FortiCare plus Application Control, IPS, AV, Web Filtering and Antispam, FortiSandbox Cloud)	1	FG300B3911602533	31/08/2020	31/08/2022
10.2	Fortigate 300D	Fortigate 300D - Unified (UTM) Protection (24x7 FortiCare plus Application Control, IPS, AV, Web Filtering and Antispam, FortiSandbox Cloud)	2	FGT3HD3915800740 FGT3HD3915800697	31/08/2020	31/08/2022
11	F5-BIG-BT-7050S		2	F5-IGYS-XNVC F5-SQGD-XKNR	31/08/2020	31/08/2022

A handwritten signature in black ink, appearing to read 'B' and 'Lan'.